

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM TRỰC  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST

Ngày 22 - 7 - 2021

V/v ly hôn giữa chị T và anh D

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ánh.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Xuân Tiên

Ông Nguyễn Xuân Nghi

*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng, Thư ký tòa án nhân dân huyện Nam Trực.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 98/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Vũ Thị T, sinh năm 1982 (vắng mặt)

ĐKKHKT: Xóm , thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Địa chỉ: Thôn V, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**- Bị đơn:** Anh Vũ Văn Dũng, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm , thôn B, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 5 năm 2021 và bản tự khai ngày 18/6/2021, nguyên đơn chị Vũ Thị T trình bày:* Chị và anh Vũ Văn D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2000.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, sau đó phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh D chơi bời thường xuyên xúc phạm chị, mặc dù đã được bạn bè, người thân khuyên giải và chị đã cho anh D cơ hội nhưng anh D không sửa chữa. Từ cuối năm 2011 chị đưa các con về nhà bố mẹ đẻ là ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị T cư trú tại thôn V,

xã N, huyện N, tỉnh Nam Định ở, từ đó vợ chồng chị sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên chị làm đơn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Vũ Văn D.

Về nuôi con chung: Giữa chị và anh D có 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 14/06/2001 và Vũ Thị Q, sinh ngày 12/5/2004. Hiện cháu H đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; cháu Q đang ở với chị, khi vợ chồng ly hôn chị xin được tiếp tục nuôi cháu Q không yêu cầu anh D cấp dưỡng.

Về tài sản chung và công nợ chung: Vợ chồng chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/7/2021 bị đơn anh Vũ Văn D trình bày:* Anh và chị T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, chị T bỏ về nhà bố mẹ để cư trú tại thôn V, xã N ở, từ đó vợ chồng anh sống ly thân không quan tâm gì tới nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T làm đơn xin ly hôn anh nhất trí, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Nam Trực giải quyết cho vợ chồng anh ly hôn.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung là Vũ Thị H, sinh ngày 14/06/2001 và Vũ Thị Q, sinh ngày 12/5/2004. Hiện cháu H đã trưởng thành, lập gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu Q đang ở với mẹ, khi vợ chồng ly hôn anh nhất trí với đề nghị của chị T, tiếp tục giao con chung cho chị T nuôi, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Về tài sản chung và công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa:

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:*

*Về thủ tục tố tụng:* Việc thu thập các tài liệu có trong hồ sơ và quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đúng pháp luật tố tụng dân sự;

*Về đường lối giải quyết vụ án:*

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Vũ Văn D;

Về con chung: Tiếp tục giao cháu Vũ Thị Q, sinh ngày 12/5/2004 cho chị Vũ Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị T.

Đối với cháu Vũ Thị H, sinh ngày 14/06/2001 đã trưởng thành, có gia đình riêng các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Vũ Thị T và anh Vũ Văn D đều có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị T và anh Vũ Văn D tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 09 tháng 5 năm 2000 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện N, tỉnh Nam Định, vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống thời gian đầu bình thường sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không quan tâm gì đến nhau nữa. Chị T và anh D đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị T xin ly hôn anh D nhất trí.

[3] Xét thấy, cuộc hôn nhân giữa chị T và anh D không hạnh phúc, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không có khả năng đoàn tụ, có duy trì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn anh Vũ Văn D của chị Vũ Thị T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị T và anh D có 02 con chung là:

Vũ Thị H, sinh ngày 14/06/2001 đã trưởng thành, có gia đình riêng đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét;

Vũ Thị Q, sinh ngày 12/5/2004 hiện đang ở với chị T. Khi vợ chồng ly hôn, xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế, đề nghị của đương sự, nguyện vọng của con, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung. Hội đồng xét xử thấy: Chị T xin được tiếp tục nuôi con chung không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng, anh D nhất trí với đề nghị của chị T. Sự tự nguyện của đương sự không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận. Khi vợ chồng ly hôn tiếp tục giao con chung là Vũ Thị Q cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[5] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét;

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Vũ Văn D.

2. Về nuôi con chung chưa thành niên: Giao chị Vũ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Vũ Thị Q, sinh ngày 12/5/2004. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T, anh Vũ Văn D không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Anh D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí DSST: Chị Vũ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Đồi trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị Th đã nộp theo Biên lai số 0000462, ngày 14 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Trực.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Huyện Nam Trực;
- Chi cục THADS Huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ánh**